

CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 5

Tổ thứ 33 (6): Đại Sư Tuệ Năng

- Tổ thứ 33: Đại Sư Tuệ năng có 43 vị đệ tử nổi pháp (19 vị thấy có ghi lục, 10 vị bằng xuất).

1. Tam tạng Quật Đa ở Tây Ấn-độ
2. Thiền sư Pháp Hải ở Thiều Châu
3. Thiền sư Chí Thành ở Cát Châu
4. Thiền sư Hiểu Liễu ở Biển Thiệm
5. Thiền sư Trí Hoàng ở Hà Bắc
6. Thiền sư Pháp Đạt ở Hồng Châu
7. Thiền sư Trí Thông ở Thọ Châu
8. Thiền sư Chí Triệt ở Giang Tây
9. Thiền sư Trí Thường ở Tín Châu
10. Thiền sư Chí Đạo ở Quảng Châu
11. Hòa-thượng chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu Ấn Tông
12. Thiền sư Hành Tư ở núi Thanh Nguyên thuộc Cát Châu
13. Thiền sư Hoài Nhượng ở Nam Nhạc
14. Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác ở Ôn Châu
15. Thiền sư Bồn Tịnh ở núi Từ Không
16. Thiền sư Huyền Sách ở Vụ Châu
17. Thiền sư Linh Thao ở Tào Khê
18. Thiền sư Tuệ Trung ở chùa Quang Trạch thuộc Tây Kinh
19. Thiền sư Thần Hội ở chùa Hà Trạch thuộc Tây Kinh Mười

chín vị trên đây có ghi lục.

20. Thiền sư Kỳ Đà ở Thiều Châu
21. Thiền sư Tịnh An ở Võ Châu
22. Thiền sư Tung Sơn ở Tầm
23. Thiền sư Đĩnh Chân ở núi La Phù
24. Thiền sư Kiên Cố ở Nam Nhạc
25. Thiền sư Đạo Tiến ở núi Chế Không

26. Thiền sư Thiện Khoái
27. Thiền sư Duyên Tố ở Thiều Sơn
28. Thiền sư Tông Nhất
29. Thiền sư Thiện Hiện Tần Vọng ở núi Cối Kê
30. Thiền sư Phạm Hạnh ở Nam Nhạc
31. Thiền sư Tự Tại ở Tinh Châu
32. Thiền sư Hàm Không ở Tây Kinh
33. Thiền sư Thái Tường ở Hiệp Sơn
34. Thiền sư Pháp Tịnh ở Quang Châu
35. Thiền sư Biện Tài ở núi Thanh Lương
36. Ngô Đầu Đà ở Quảng Châu
37. Thiền sư Đạo Anh
38. Thiền sư Trí Bản
39. Thiền sư Pháp Chân ở Thanh Uyển Quảng Châu
40. Thiền sư Huyền Giai
41. Thiền sư Đàm Thối
42. Thứ Sử Vi Cứ ở Thiều Châu
43. Bồ tát Nghĩa Hưng Tôn. (24 vị trên đây không có cơ duyên-
ngữ cú không ghi lục)

Tổ thứ 33 (6) - ĐẠI SƯ TUỆ NĂNG

Sư họ Lô, trước là người ở Phạm Dương. Cha là Hành Thao trong niên hiệu Võ Đức làm Tả Hoạn ở Nam Hải, mà hộ khẩu ở Tân Châu. Ba tuổi cha mất bà mẹ thủ tiết nuôi con. Khi lớn thì nhà rất nghèo, phải đốn củi độ nhật. Một hôm gánh củi đến trong chợ nghe khách đọc kinh Kim cang. Sững sốt hỏi khách rằng đây là pháp gì, có được từ ai? Khách đáp: Đây là kinh Kim cang có được từ Đại sư Hoằng Nhẫn ở Huỳnh Mai. Sư liền thưa mẹ ý vì pháp tìm thầy, thẳng đến Thiều Châu, gặp bậc cao hạnh là Lưu Chí Lược kết làm bạn. Ni Vô Tận Tạng chính là cô của Chí Lược, thường đọc kinh Niết-bàn. Sư nghe qua liền giải thích rõ ràng về nghĩa ấy. Ni bèn cầm quyển hỏi chữ. Sư nói chữ thì tôi không biết, còn nghĩa thì xin cứ hỏi. Ni nói chữ chẳng biết làm sao biết nghĩa được. Sư nói lý mầu của chư Phật không liên quan đến chữ nghĩa. Ni kinh dị bảo các người lớn tuổi trong làng rằng: Đây là người hiểu đạo nên thỉnh cúng dường. Do đó mọi người tranh nhau đến chiêm lễ. Ở gần đó có nơi trước đây là chùa cổ Bảo Lâm, mọi người bàn nên mời Sư về ở, bốn

chúng sửa sang trở thành chỗ ở tốt. Một hôm Sư thăm nghĩ ta cầu Đại pháp há giữa đường mà ngưng. Sáng hôm sau bèn đến một hang đá ở phía Tây huyện Xương Lạc gặp Thiền sư Trí Viễn. Sư bèn thưa hỏi. Viễn nói: Ông xem cốt cách phi thường. Tôi nghe ở Tây Vực có Bồ-Đề-Đạt-Ma truyền tâm ấn cho ngài Huỳnh Mai, ông nên đến đó mà tham cứu. Sư bèn từ giả thẳng đến Đông Thiền Huỳnh Mai, đó là niên hiệu Hàm Hạnh đời Đường năm thứ 2. Đại sư Hoàng Nhẫn vừa thấy Sư liền ngầm biết. Sau truyền cho y pháp khiến lánh mình trong bốn hội Hoài Tập. Đến ngày mồng 8 tháng giêng năm Bính tý niên hiệu Nghi Phụng năm thứ nhất thì đến Nam Hải gặp Pháp sư Ấn Tông ở chùa Pháp Tánh giảng kinh Niết-bàn. Sư ở ngoài hành lang, đêm nghe gió thổi phướn khua, có hai vị tăng tranh luận một người bảo phướn động, người kia bảo gió động, cả hai vị không ai khế lý. Sư nói có thể cho kẻ hèn hạ này góp lời bàn luận được chăng, cả gió và phướn đều không động mà do tâm động vậy. Ấn Tông trộm nghe lời ấy thì sửng sốt lấy làm lạ. Sáng hôm sau đón Sư vào thất, đem nghĩa gió phướn ra bàn. Sư nói lý đầy đủ. Ấn Tông lập tức đứng dậy bảo Hành giả nhất định là người phi thường, thầy Ngài là ai? Sư không trốn lánh nữa bèn kể thật nguyên do đắc pháp. Do đó Ấn Tông xin làm đệ tử mà học thiền yếu. Bèn bảo bốn chúng rằng: Ấn Tông hoàn toàn là phạm phu nay gặp Nhục Thân Bồ tát là Lô cư sĩ đây. Do đó xin trình bày tín y để mọi người chiêm lễ. Đến ngày rằm tháng giêng thì Hội các danh đức đến cạo tóc cho Sư, đến mồng 8 tháng 2 thì ở chùa Pháp Tánh, Luật sư Trí Quang trao cho Mãn phần giới. Giới đàn này do Tam tạng Cầu-Na-Bạt-Đà đời Tống lập ra. Tam tạng có ghi rằng: Sau sẽ có Nhục Thân Bồ tát thọ giới ở giới đàn này. Lại cuối đời Lương có Tam tạng Chân đế ở bên giới đàn này mà trồng 2 cây Bồ đề, gọi chúng bảo rằng: Sau một trăm hai mươi năm sẽ có bậc Đại khai sĩ ở dưới gốc cây này mà giảng nói Vô Thượng Thừa vô lượng chúng Sư thọ giới cụ túc rồi bèn ở dưới gốc cây mà diễn nói pháp môn Đông sơn đúng như lời đoán xưa. Ngày mồng 8 tháng 2 năm sau bỗng bảo chúng rằng: Ta không muốn ở đây nữa hãy trở về chỗ ẩn cũ. Lúc đó Ấn Tông cùng Đạo tục cả ngàn người đưa sư về chùa Bảo Lâm. Thứ Sử Thiệu Châu là Vi Cứ thỉnh Sư ở chùa Đại Phạm chuyển diệu pháp luân, cùng thọ giới Vô Tướng Tâm Địa. Môn nhân ghi chép thành Đàn kinh lưu hành rất thịnh hành trên đời. Rồi Sư trở về Tào Khê rười cơn mưa Đại pháp. Người theo học không dưới số ngàn. Vua Đường Trung Tông niên hiệu Thần Long năm thứ nhất ban chiếu nói rằng: Trăm thỉnh hai Sư An, Tú vào trong cung cúng dường. Vua rảnh rang

nghiên cứu Nhất thừa hai sư đều nhún nhường rằng: Ở Phương Nam có Thiên sư Tuệ Năng ngâm thọ được y pháp của Đại sư Nhẫn có thể đến đó. Nay sai nội thị là Tiết Giản mang chiếu đến đón xin Sư từ niệm mau đến kinh thành. Sư bèn dâng biểu từ chối vì bệnh nguyện trọn đời ở chốn núi rừng. Tiết Giản thưa: Các vị Thiên đức ở kinh thành đều nói: Muốn hiểu được đạo cần phải ngồi thiền tu định, nếu chẳng nhờ thiền định mà được giải thoát thì không có việc ấy. Chẳng hay sư nói Pháp ra sao? Sư nói: Đạo do tâm ngộ đâu phải ở ngồi. Kinh nói: Nếu thấy Như lai hoặc ngồi hoặc nằm là thực hành Đạo tà, vì sao? vì không từ đâu đến, chẳng từ đâu đi. Nếu không sinh diệt là thiên thanh tịnh của Như lai, các pháp vắng lặng là ngôi thanh tịnh của Như lai. Rốt ráo không chứng há là ngôi ư? Giản nói: Đệ tử trở về chắc chắn Chúa Thượng sẽ hỏi xin Hòa-thượng từ bi chỉ rõ tâm yếu. Sư nói: Đạo không có sáng tối, sáng tối là nghĩa thay nhau sáng suốt vô tận cũng là có tâm. Giản nói sáng là dụ cho trì tuệ, ám (tối) là dụ cho phiền não, nếu người tu Đạo không dùng trí tuệ mà chiếu phá phiền não thì sinh tử vô thủy dựa vào đâu mà thoát ra. Sư nói: Nếu dùng trí tuệ mà chiếu phá phiền não thì đây là cơ Dê nai trẻ con của Nhị thừa. Bạc Thượng trí đại căn đều chẳng như thế. Giản hỏi: Thế nào là kiến giải của Đại thừa? Sư nói: Minh và vô minh tánh chẳng hai, tánh không hai tức là tánh thật. Tánh Thật ở phàm phu chẳng giảm bớt, ở Hiền Thánh chẳng thêm, ở phiền não chẳng loạn. Ở Thiên định chẳng vắng lặng, chẳng đoạn chẳng thường chẳng tới chẳng lui (đến đi), chẳng ở giữa và chẳng trong ngoài, chẳng sinh chẳng diệt, tánh tướng như như, thường trụ bất biến gọi là Đạo. Giản nói: Sư nói chẳng sinh chẳng diệt có khác gì ngoại Đạo. Sư nói: Chẳng sinh chẳng diệt của ngoại Đạo nói là đem diệt mà ngăn sinh, đem sinh mà chỉ bày diệt, diệt cũng chẳng diệt, sinh lại nói không sinh. Còn chẳng sinh chẳng diệt của ta nói, là xưa vốn không sinh nay cũng chẳng diệt, do đó mà khác ngoại đạo. Nếu ông muốn biết tâm yếu, chỉ cần tất cả thiện ác đều chẳng nghĩ bàn, tự nhiên được vào tâm thể thanh tịnh lặng lẽ thường tịch diệu dụng hà sa. Giản được chỉ giáo bỗng nhiên đại ngộ, lạy tạ trở về kinh dâng biểu tâu lại lời Sư nói. Vua ban chiếu tạ ân Sư và ban cho Ca Sa Ma-Nap, năm trăm xấp lụa, một bình bát báu. Ngày 19 tháng 12, vua ban sắc đổi chùa Cổ Bảo Lâm thành chùa Trung Hưng ba năm sau ngày 18 tháng 11 vua lại ra sắc lệnh cho Thứ sử Thiều Châu ban tặng biển Ngạch là chùa Pháp Tuyên, chỗ cũ Sư ở tại Tân Châu là chùa Quốc An. Một hôm Sư bảo chúng rằng: Nay các Thiện tri thức, các ông nên tịnh tâm mà lắng nghe ta nói pháp: Mọi người tự tâm mình là Phật, chớ có hồ nghi, ngoài ra

không có một vật nào khác, đều là tâm mình sinh ra muôn thứ pháp. Vì vậy kinh nói Tâm sinh thì các pháp sinh tâm diệt thì các pháp diệt. Nếu muốn thành tựu chủng trí thì phải đạt được Tam-muội Nhất tướng, Tam-muội Nhất hạnh, nếu đối tất cả chỗ mà chẳng trụ tướng, đối với tướng ấy chẳng sinh yêu ghét cũng không lấy bỏ, chẳng nghĩ các việc lợi ích thành hoại v.v... mà an nhàn điềm tịnh hư dung lặng bật, gọi là Tam-muội Nhất tướng. Nếu ở tất cả chỗ đi đứng ngồi nằm, thuần nhất chân tâm bất động đạo tràng chân thành Tịnh độ, gọi là Tam-muội Nhất hạnh. Nếu người có đủ hai Tam-muội này, như đất có hạt giống có thể chứa chất nuôi lớn thành tựu trái hạt. Nhất tướng, Nhất hạnh cũng giống như thế. Nay ta nói pháp cũng như lúc mưa lớn thấm nhuần mặt đất. Phật tánh các ông ví như những hạt giống, gặp sương này thấm thì sẽ nảy mầm, nhờ ý chỉ ta quyết sẽ được Bồ đề, hành giả nương theo chắc chắn chứng được diệu quả. Niêh hiệu Tiên Thiên năm thứ nhất bảo các đồ chúng rằng: Ta thẹn nhận được y pháp của Đại sư Hoàng Nhãn. Nay nói pháp cho các ông mà chẳng trao lại y ấy. Bởi các ông tin căn thuần thực chắc chắn không nghi, có khả năng nhận được việc lớn, hãy nghe kệ ta:

*Đất tâm ngâm hạt giống
Mưa khắp đều sinh sôi
Đốn ngộ hoa tình rồi
Quả Bồ đề tự thành.*

Sư nói kệ xong lại bảo: Pháp ấy không hai, tâm ấy cũng thế. Đạo ấy thanh tịnh cũng không có các tướng. Các ông cần thận chớ quán tịnh và không tâm ấy. Tâm này vốn thanh tịnh không thể lấy bỏ, ai nảy đều tự cố gắng tùy duyên cho tốt - Sư nói pháp lợi sinh suốt bốn mươi năm. Năm ấy ngày mồng 6 tháng 7 Sư bảo đệ tử đến chùa Quốc Ân ở Tân Châu, xây tháp Báo Ân rất nhiều công sức đẹp đẽ. Lại có vị Tăng đất Thục tên là Phương Biện đến yết kiến Sư thưa rằng giỏi đắp tượng. Sư nghiêm sắc mặt nói thử đắp xem. Phương Biện không hiểu ý bèn đắp tượng Sư cao bảy tấc rất đẹp. Sư xem bảo: Ông giỏi tánh đắp tượng mà không giỏi tánh Phật, lấy y mà đắp lễ Tăng lay tạ lui ra. Ngày mồng 1 tháng 7 niêh hiệu Tiên Thiên năm thứ hai, Sư bảo học trò rằng: Ta muốn về Tân Châu, các ông mau sửa soạn thuyền. Lúc đó đại chúng rất yêu mến Sư xin Sư chớ đi. Sư nói chư Phật ra đời cũng thị hiện Niết-bàn, có đến đã có đi, lý thường như thế. Ta với hình hài này trở về ắt có chỗ. Chúng thưa Sư từ đây đi sớm muộn cũng phải trở về. Sư nói: Lá rụng về cội, không có ngày trở về. Lại hỏi: Sư đi rồi Pháp Nhãn truyền cho ai? Sư nói: Có đạo giả được vô tâm là thông. - Lại hỏi: Về sau có

nạn chẳng? Đáp: Ta mất được năm, sáu năm sẽ có một người đến lấy đầu ta. Nghe ta dặn đây: Trên đầu thờ cha mẹ, miệng để ăn, gắp nạn là mẫn, Dương liễu là quan. Lại nói: Ta mất rồi bảy mươi năm sẽ có hai vị Bồ tát từ phương Đông đến, một tại gia, một xuất gia đồng thời mở mang xây dựng tông ta, nhóm họp chùa chiền nối tiếp làm hưng thịnh dòng pháp. Nói xong bèn về chùa Quốc Hưng ở Tân Châu, tắm gội rồi ngồi kiết già mà hóa. Mùi thơm lạ ngào ngạt ráng trắng đầy trời, bấy giờ là ngày mồng 3 tháng 8 năm ấy. Lúc đó hai quận Thiều và Tân đều tu bổ linh tháp đạo tục lưỡng lự không định được chỗ. Thứ sử hai quận bèn đốt hương khẩn rằng: Khói hương sẽ dẫn chỗ mà Sư muốn về. Lúc đó lò hương rung động thẳng về Tào Khê. Ngày 13 tháng 11 thì nhập tháp, thọ bảy mươi sáu tuổi. Lúc đó Thứ sử Thiều Châu là Vi Cứ soạn bia. Môn nhân nhớ việc lấy đầu, liền lấy lá sắt bao quanh cổ Sư. Trong tháp có để tín y của Tổ Đạt-ma truyền lại và Ma-nạp, bát báu của vua Đường Trung Tông ban tặng cùng tượng của Phương Biện đắp... đều đủ. Chủ tháp là Thị giả Thi Chi. Ngày mồng 3 tháng 8 năm Nhâm Tuất niên hiệu Khai Nguyên năm thứ mười, nửa đêm bỗng nghe trong tháp có tiếng kéo sắt. Tăng chúng kinh sợ thấy 1 hiệu tử từ trong tháp chạy ra. Tìm xem thì thấy cổ Sư bị thương. Dem trình việc trộm lên huyện, huyện lệnh là Dương Khản, Thứ Sử là Liễu Vô Thiêm được tin bèn đem gông đến giam năm ngày ở thôn Thạch Giác, bắt được tên trộm, đưa lên Thiều Châu hỏi tội thì khai là tên Trương Tịnh Mẫn, người Huyện Lương ở Nhữ Châu, ở chùa Khai Nguyên ở Hồng Châu, nhận vàng của tăng Tân la và hai mươi ngàn đồng để lấy đầu Lục Tổ đem về Hải Đông cúng dường. Liễu Thứ sử nghe cáo trạng chưa xử tội liền đích thân đến Tào Khê hỏi Linh Thao là đệ tử thượng túc của Sư rằng: Xử đoán ra sao? Thao nói: Nếu nói theo pháp nước thì phải tru diệt (giết cả ba họ) nhưng vì Phật dạy từ bi, oan thân đều bình đẳng, hướng chi là họ muốn cúng dường thì tội nên tha thứ. Liễu Thứ sử vui mừng nói: Mới biết cửa Phật rộng lớn bèn tha tội. Niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ nhất vua Đường Túc tông sai sứ đến thỉnh y Bát của Sư về cung nội cúng dường. Đến ngày mồng 5 tháng 5 niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ nhất, vua Đường Đại tông nằm mộng thấy Lục tổ Đại sư thỉnh y bát. Ngày mồng 07 sai Thứ sử Dương Hàm rằng: Trẫm mộng thấy Thiền sư Tuệ Năng xin thỉnh ca sa truyền pháp trở về Tào Khê. Nay sai Trấn quốc Đại tướng quân Lưu Sùng Cảnh dẫn lễ mà đưa, trẫm gọi đó là quốc bảo, khanh hãy nên ở chùa cũ đúng pháp để lại, mà khiến tăng chúng nối truyền tông chỉ và nghiêm khắc giữ gìn chớ để hư mất. Sau

có người trộm cắp thì đều bắt được ngay, có đến bốn tên như thế. Vua Đường Hiến Tông ban thụ là Đại giám Thiên sư, Thập hiệu Nguyên Hòa Linh Chiếu - Đầu niên hiệu Khai Bảo đời Hoàng Tông, Vương sư đi đánh dẹp Nam Hải, tàn binh của họ Lưu làm loạn, thập miếu của Sư đều bị lỵ tan mà chân thân thì tăng coi tháp giữ gìn không chút tổn hại. Các thập miếu được sửa sang đẹp đẽ nhưng chưa xong gặp lúc Đường Thái Tông lên ngôi lưu tâm nhiều đến Thiên môn lại càng đẹp đẽ tráng lệ. Đại sư thị tịch từ năm Quý sửu niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai đời Đường đến năm Giáp Thìn niên hiệu Cảnh Đức năm thứ nhất thì được 292 năm, người đặc pháp trừ Ấn Tông ra có ba mươi ba vị, mỗi vị hoàng hóa một phương đều nêu làm dòng chánh, ngoài ra thì ẩn giấu tung tích nhiều không kể xiết. Nay các nhà truyền ký chỉ lược ghi có mười vị gọi là bàng xuất.

1. Tam tạng Quật Đa ở Tây Vực:

Người Thiên Trúc, đi về phía Đông đến Thiều Dương gặp Lục Tổ, sau lời nói liền khế ngộ. Sau đi qua Ngũ Đài đến thôn Lịch huyện Định Tương thấy có một vị tăng cất am mà ngồi. Tam tạng hỏi: Ông ngồi một mình làm gì? Đáp: Quán tịnh. Tam tạng hỏi: Người quán là ai, tịnh là vật gì? Vị tăng ấy đánh lễ hỏi lại: Lý này là sao? Tam tạng nói: Ông sao chẳng tự quán tự tịnh lấy mình. Vị Tăng ấy hoang mang chẳng biết đáp sao. Tam tạng nói: Ông từ môn nào ra? Đáp: Từ Đại sư Thần Tú. Tam tạng nói: Ta ở Tây Vực Dị Đạo căn cơ thấp kém nhất cũng không rơi vào cái thấy này. Ngồi trơ trọi với Đạo nào có ích gì? Vị Tăng ấy liền hỏi Tam tạng rằng: Thầy ông là ai? Tam tạng nói: Thầy tôi là Lục tổ, sao ông không mau đến Tào Khê mà thưa hỏi chân yếu. Vị Tăng bèn bỏ am đến tham kiến Lục tổ trình bày đủ mọi việc trước. Lục Tổ dạy bảo cùng phù hợp với Tam tạng. Vị Tăng ấy tin vào, Tam tạng sau không biết mất ở đâu.

2. Thiên sư Pháp Hải Thiều Châu:

Người ở Khúc Giang. Trước gặp Lục Tổ hỏi rằng: Tức tâm tức Phật, xin chỉ bào cho. Tổ nói: Niệm trước chẳng sinh là tức tâm, niệm sau chẳng diệt là tức Phật thành tất cả tướng là tức tâm, lìa tất cả tướng là tức Phật. Nếu ta nói đầy đủ thì cùng kiếp cũng chẳng hết, hãy nghe ta nói kệ:

*Tức tâm là tuệ
Tức Phật là Định
Định tuệ đều trì
Trong ý thanh tịnh*

*Ngộ pháp môn này
Do ông tập tánh
Dung vốn không sinh
Song tu là chánh.*

Pháp Hải tin nhận bèn dùng kệ khen rằng:

*Tức tâm vốn là Phật
Chẳng ngộ tự khuất phục
Ta biết nhân Định tuệ
Cùng tu lia các vật.*

3. Thiền sư Chí Thành ở Cát Châu:

Người ở Thái Hòa thuộc Cát Châu. Thuở nhỏ, ở chùa Ngọc Tuyền núi Đương Dương ở kinh Nam mà thờ Thiền sư Thần Tú. Sau nhân hai tông thanh hành, đồ chúng của Thần Tú thường chê Nam Tông (Tông của Lục Tổ) rằng: Đại sư Tuệ Năng không biết 1 chữ thì có tài năng gì? Tú nói: Vị ấy được trí vô sư ngộ sâu Thượng thừa ta đây chẳng bằng. Và thầy ta là Ngũ Tổ riêng trao y pháp cho ông ấy há là uống công ư? Ta tiếc không thể đi xa mà gần gũi vì luống chịu ân nước. Các ông không trở ngại vì việc này hãy nên đến Tào Khê mà chất vấn, ngày kia về nói lại cho ta nghe. Sư nghe lời nói ấy liền lẽ tạ mà đến Thiều Dương, theo chúng tham vấn không nói mình từ đâu đến. Lúc đó Lục tổ bảo chúng rằng: Nay có kẻ trộm pháp lén đến Hội này. Sư ra lễ bái nói rõ mọi điều. Tổ hỏi: Thầy ông lấy gì dạy chúng? Đáp rằng: Thầy tôi thường dạy đại chúng khiến trụ tâm quán tịnh ngồi mãi chẳng nằm. Tổ nói: Trụ (dừng) tâm quán tịnh là bịnh chứ không phải thiền, ngồi hoài thì ép thân với lý có ích gì. Hãy nghe kệ ta:

*Sống mà ngồi chẳng nằm
Chết rồi nằm chẳng ngồi
Vốn là đầu lâu thúi
Làm Sao lập công tội.*

Sư hỏi: Chẳng hay Đại sư dùng pháp gì dạy người. Tổ nói: Nếu Ta có một pháp nào cho người thì tức là đối gạt ông. Chỉ là tùy cách mà mở trói mượn gọi là Tam-muội, hãy nghe ta nói kệ:

*Tất cả Giới tự tánh vô tâm
Tất cả tuệ tự tánh vô ngại
Tự Kim cương chẳng tâm chẳng bớt
Vốn Tam-muội thân đến thân đi.*

Sư nghe kệ rồi ăn năn tạ lỗi, liền thề qui y và trình một bài kệ:

Thân năm uẩn huyễn

*Huyền sao rớt ráo
Trở về chân như
Pháp lại bất tịnh.*

Tổ nói đúng. Rồi trở về Ngọc Tuyên.

4. Thiên sư Hiếu Liễu ở núi Biển Thiêm.

Truyện ký không ghi chép, chỉ biết là môn nhân của Bắc Tông (Thần Tú). Hốt Lôi Trừng soạn bia tháp rất thịnh hành ở đời. Lược nói rằng: Sư ở núi Biển Thiêm, pháp hiệu là Hiếu Liễu, là đích tự (người Đệ tử nối pháp chính thức) của Lục Tổ. Sư được tâm vô tâm, liễu tướng vô tướng. Vô tướng là sum la hoa mắt, vô tâm là phân biệt lừng lẫy dứt hết một tiếng một vang, vang không thể truyền đi khắp tiếng nói chẳng thể cùng khắp. Sư tự được không của không không mà bất không đối với không. Nay ta vì có của có có mà không có đối với có; Có của chẳng có thì tới lui chẳng thêm, không của chẳng không thì Niết-bàn chẳng bớt. Than ôi! Sư ở đời, Tào Khê sáng, Sư vắng lặng, thuyền pháp nghiêng. Sư nói vô thuyết, chữ Hoàn đầy. Sư chỉ mê đồ, thừa cơ Liễu nghĩa núi Biển Thiêm sắc phủ sắc này, hang trống cũng còn lưu tên Hiếu Liễu.

5. Thiên sư Trí Hoàng ở Hà Bắc.

Lúc đầu tham vấn ở pháp tòa của Ngũ tổ tuy có học hỏi nhưng vẫn theo tiệm hạnh. Sau về Hà Bắc cất am ngồi yên hơn hai mươi năm không biếng lười. Sau gặp môn nhân của Lục tổ khuyên Sư nên đến đó mà siêng cầu pháp yếu. Sư bèn bỏ am đến tham vấn Lục tổ. Tổ thương xót ở xa tới liền mở mang chỉ quyết. Sư sau lời Tổ nói liền rỗng rang khế ngộ, tâm đã được từ hai mươi năm trước đều không ảnh hưởng. Đêm ấy ở Hà Bắc các đàn việt (tín chủ) sĩ thứ (quan dân) bỗng nghe trên hư không có tiếng nói rằng: Thiên sư Hoàng hôm nay đắc đạo. Sau trở về Hà Bắc mà khai hóa bốn chúng.

6. Thiên sư Pháp Đạt ở Hồng Châu.

Người ở Phong Thành thuộc Hồng Châu, bảy tuổi xuất gia tụng kinh Pháp Hoa. Sau khi thọ Giới cụ túc đến lễ Tổ sư mà đâu không đựng đất. Tổ trách rằng: Lạy chẳng đựng đất chi bằng đừng lạy, trong tâm ông hẳn có chứa một vật là gì? Sư nói: Đã tụng ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Tổ nói: Nếu ông tụng đến muôn bộ được ý kinh ấy chẳng xem là cao quý thì cùng đi với ta. Nay ông mang sự nghiệp này mà chẳng biết lỗi, hãy nghe kệ ta nói:

*Lạy vốn bỏ ngã mạn
Nếu đâu chẳng đựng đất
Có ngã tội liền sinh*

Mất công phước không sánh.

Tổ lại hỏi: Ông tên gì? - Thừa con tên Pháp Đạt Tổ nói: Tên ông là Pháp Đạt, không hề có pháp nào để đạt. Lại nói kệ rằng:

*Ông nay tên Pháp Đạt
Siêng tụng chưa dừng nghỉ
Không tụng chỉ theo tiếng
Mình tâm gọi Bồ tát
Ông nay vì có duyên
Nay ta nói ông nghe
Chỉ tin Phật không nói
Hoa sen từ miệng ra.*

Sư nghe kệ xong thì hối lỗi nói rằng: Từ nay về sau phải khiêm cung tất cả, cúi mong Hòa-thượng Đại từ nói lược nghĩa lý trong kinh. Tổ hỏi: Ông nghĩ kinh này lấy gì làm Tông? Sư nói: Đệ tử ngu độn từ xưa nay chỉ y văn tụng niệm đâu biết Tông thú. Tổ nói: Ông thử đọc cho ta nghe 1 biến, ta sẽ giải thích cho ông nghe. Sư liền lớn tiếng đọc kinh đến phẩm Phương Tiện. Tổ nói ngưng. Kinh này lấy nhân duyên xuất thế làm tông đầu nói nhiều thứ thí dụ cũng không vượt ngoài đây. Nhân duyên gì, ấy chỉ là một việc lớn, tức là Phật tri kiến. Các ông cẩn thận chớ lầm hiểu ý kinh mà thấy Đạo khác. Khai thị ngộ nhập tức là Phật tri kiến, bọn chúng ta không có phần. Nếu hiểu theo đây tức là hủy kinh chê Phật, đã là Phật rồi thì sẵn có tri kiến, cần gì phải khai mở. Nay Ông phải tin tri kiến Phật chính là tự tâm ông chứ không phải thể nào khác, vì tất cả chúng sinh tự che sáng suốt. Tham ái trần cảnh duyên ngoài trong nhiều, cam chịu trôi lăn, lại nhọc nhằn từ Tam-muội khởi các thứ nhiều lời đấng miệng dạy khuyên nghỉ ngơi chấm dứt, chớ nên hưởng bên ngoài mà cầu, vì cùng Phật chẳng hai. Cho nên nói khai tri kiến Phật. Ông chỉ nhọc nhằn đọc tụng cho là khóa lễ công đức, khác nào trâu mao mấn đuôi. Sư nói: Nếu thế chỉ được hiểu nghĩa mà không tụng kinh. Tổ nói: Kinh có lỗi gì đâu chướng niệm ông, chỉ vì mê ngộ ở người, tổn ích do ông. Hãy nghe kệ ta:

*Tâm mê Pháp Hoa chuyển
Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa
Tụng lâu chẳng sáng mình
Làm oán thù với nghĩa
Vô niệm niệm liền chánh
Có niệm niệm thành tà
Có không đều chẳng chấp*

Thường ngồi xe Trâu trắng.

Sư nghe kệ xong lại thưa rằng:

Kinh nói các Đại Thanh văn cho đến các Bồ tát đều phải hết sức suy nghĩ so lường còn chẳng thể biết được trí Phật. Nay khiến phàm phu chỉ cần ngộ tự tâm thì gọi là trí kiến Phật, tự chẳng phải là kẻ thượng căn chưa khỏi nghi chê. Lại kinh nói ba xe, xe trâu lớn khác xe trâu trắng thế nào xin Hòa-thượng nói rõ. Tổ nói: Ý kinh rõ ràng ông tự mê tối. Các vị ba thừa không thể lường biết được trí Phật là do suy lường, vì càng cố sức suy nghĩ thì càng viễn vong mơ hồ. Phật vốn là phàm phu nói không phải là Phật nói: Lý này nếu chẳng chịu tin, thì từ người khác mà thối tịch. Thật chẳng biết ngồi xe Trâu trắng ở ngoài cửa mà tìm ba xe, huống văn kinh rất sáng Đạo của ông, không hai cũng không ba, ông sao chẳng tỉnh. Ba xe là giả mượn ở thời xưa còn Nhất thừa thật ở lúc này. Chỉ khuyên ông bỏ giả về thật. Sau khi về thật thì thật cũng không tên gọi. Nên biết chỗ có của báu đều thuộc về ông do ông thọ dụng tận hưởng. Lại không nghĩ cha, nghĩ con, cũng không có nghĩ ngợi, gọi là trì kinh Pháp Hoa. Từ kiếp này đến kiếp khác tay không hề mở quyển kinh mà từ ngày đến đêm không lúc nào chẳng tụng niệm. Sư đã được chỉ dạy mở mang nên rất vui mừng dùng kệ khen rằng:

*Kinh tụng ba ngàn hộ
 Một câu Tào Khê mát
 Chưa rõ ý ra đời
 Thật uống sống nhiều đời
 Giả lập Dê nai trâu
 Khéo bày trước, giữa, sau
 Ai biết trong nhà lửa
 Vốn là vua của pháp.*

Tổ nói: Ông sau này mới đáng gọi là Tăng tụng kinh. Sư từ đó hiểu được Huyền chỉ, cũng chẳng ngớt tụng trì.

7. Thiên sư Trí Thông ở Thọ Châu:

Người ở An Phong Thọ Châu. Trước xem kinh Lăng-già cả ngàn lượt mà không hiểu rõ ba thân bốn trí, bèn lạy Tổ xin giải nghĩa. Tổ nói: Ba thân gồm Thanh tịnh pháp thân là tánh của ông, Viên mãn báo thân là trí của ông, Thiên bá ức hóa thân là hạnh của ông. Nếu lìa bốn tánh mà nói ba thân riêng thì tức gọi có thân mà không trí. Nếu ngộ ba thân chẳng có tự tánh, thì gọi là bốn trí Bồ đề, hãy nghe nói kệ:

*Tự tánh đủ ba thân
 Phát minh thành bốn trí*

*Chẳng lia duyên thấy nghe
Siêu nhiên lên Phật Địa
Nay ta vì ông nói
Tin chắc mãi không mê
Chớ học chạy cầu tìm
Suốt ngày nói Bồ đề.*

Sư nói: Nghĩa bốn trí con xin được nghe. Tổ nói: Đã hiểu ba thân liền rõ bốn trí, sao lại hỏi. Nếu lia ba thân mà nói bốn trí riêng thì đây gọi là có trí mà không thân, tức ở đây có trí lại thành vô trí. Lại nói kệ rằng:

*Trí Đại viên cảnh tánh thanh tịnh
Trí Bình đẳng tánh tâm không bệnh
Trí Diệu quan sát thấy chẳng công
Trí Thành sở tác đồng viên cảnh (gương sáng),
Năm, tám, sáu, bảy quả nhân chuyển
Chỉ dùng có tên không thật tánh
Nếu ở chỗ chuyển chẳng lưu tình
Ồn ào mãi mãi định Na-già.*

Sư lễ tạ dùng kệ khen rằng:

*Ba thân vốn thể ta
Bốn trí vốn tâm mình
Thân trí đều vô ngại
Ứng vật mà tùy hình
Khởi tu đều vọng động
Giữ chắc chẳng chân tình
Lời diệu, nhờ thầy hiểu
Mất hẳn tên ô nhiễm.*

8. Thiên sư Chí Triệt ở Giang Tây.

Người ở Giang Tây, tên là Trương Hạnh Xương. Thuở nhỏ tánh hào hiệp giúp người, từ khi Nam Bắc phân hóa, hai tông chủ tuy mất mình người, nhưng đồ chúng thì tranh nhau thương ghét. Lúc đó môn nhân Bắc Tông tự lập Thiên sư Tú làm Lục Tổ (Tổ thứ 6), mà kỵ vì việc Đại sư Tuệ Năng được truyền y thì thiên hạ đều biết. Nhưng Tổ là Bồ tát biết trước việc ấy nên để mười lượng vàng ở Phương trượng. Lúc đó Hạnh Xương nhận lời dặn dò môn nhân của Bắc Tông, dắt dao nhọn vào phòng Tổ định ám hại. Tổ đưa cổ ra Hạnh Xương quờ chém ba lần mà không xây sát. Tổ nói: Kiếm Chánh thì chẳng tà, tà kiếm chẳng chánh, chỉ phụ vàng ông mà không phụ mạng ông. Hạnh Xương sợ quá ngất đi

hồi lâu tỉnh lại cầu xin sám hối mong được xuất gia. Tổ bèn cho vàng và nói ông đi đi, sợ đồ chúng lại hại ông. Vài hôm khác ông nên đổi hình dạng mà đến, ta sẽ nhiếp thọ. Hạnh Xương tuân lời, sau vào Tăng xuất gia giữ giới tinh tiến. Một hôm nhớ lời Tổ dạy liền từ xa đến lễ gặp. Tổ nói: Ta từ lâu nhớ đến ông, sao ông đến muộn thế. Thưa rằng: Hôm trước được Hòa-thượng tha tội, nay con xin xuất gia khổ hạnh cũng khó báo ân sâu chỉ mong truyền pháp độ sinh. Đệ tử từng đọc kinh Niết-bàn nhưng chưa hiểu nghĩa thường và vô thường xin Hòa-thượng từ bi nói lược. Tổ nói: Vô thường tức là Phật tánh, thường tức là tâm phân biệt tất cả các pháp thiện ác. Thưa: Lời Hòa-thượng nói trái với văn kinh. Tổ nói: Ta truyền tâm ấn Phật đâu dám trái với kinh Phật. Thưa: Kinh nói Phật tánh là thường, Hòa-thượng lại nói vô thường, các pháp thiện ác cho đến tâm Bồ đề đều là vô thường, Hòa-thượng lại nói là thường, đây là trái nhau, khiến người học càng thêm nghi vực. Tổ nói: Kinh Niết-bàn xưa kia ta có nghe Ni Vô Tận Tạng đọc qua một lượt liền giảng nói cho ni ấy nghe: Không có một chữ một nghĩa nào chẳng hợp với văn kinh. Cho đến vì ông không nói khác. Thưa: Đệ tử sức hiểu biết cạn cợt mê tối, nguyện Hòa-thượng cặn kẽ chỉ rõ. Tổ nói: Ông biết chăng, nếu Phật tánh là thường thì nói các pháp thiện ác nào cùng kiếp cũng không có một người phát tâm Bồ đề, cho nên ta nói là vô thường chính là Đạo chân thường mà Phật nói. Lại, nếu tất cả các pháp vô thường thì tất cả mọi vật đều có tự tánh chịu đựng sinh tử. Mà tánh chân thường không có sự thay đổi, cho nên ta nói là thường. Chính là Phật nói nghĩa chân vô thường. Phật vì phạm phu ngoại đạo chấp tà thường, các người Nhị thừa thì đối với thường mà chấp vô thường, chung thành, tám điên Đảo. Trong giáo liễu nghĩa của Niết-bàn thì phá Thiên kiến ấy mà nói rõ ràng chân thường, chân ngã, chân tịnh. Nay ông y theo lời trái nghĩa vì đoạn diệt vô thường và xác định tử thường mà hiểu lầm lời nói mâu nhiệm sau cùng của Phật, dẫn xem ngàn lần nào có ích gì. Hạnh Xương bỗng như say vừa tỉnh lại, bèn nói kệ rằng:

*Nhân giữ tâm vô thường
Phật nói có tánh thường
Nếu chẳng biết phương tiện
Như ao xuân chấp sỏi
Nay con chẳng thi công
Phật tánh mà thấy trước
Chẳng phải thầy trao cho
Ta cũng không được gì.*

Tổ nói ông nay đã thấu suốt, nên đặt tên là Chí Triệt. Sư lễ tạ mà đi.

9. Thiên sư Trí Thường ở Tín Châu:

Người ở Quý Khê thuộc bốn châu. Tuổi nhỏ xuất gia chí cầu thảy tánh. Một hôm tham vấn Lục tổ, Tổ hỏi: Ông từ đâu đến, muốn cầu việc gì? Sư nói: Con là người ở núi Bạch Phong huyện Kiến Xương, Hồng châu, lễ Hòa-thượng Đại Thông mong chỉ bày về nghĩa thảy tánh thành Phật, nhưng chưa quyết vẫn còn hồ nghi. Đến Cát Châu thì có người chỉ mê khiến con đến tham yết Hòa-thượng, cúi mong từ bi nhiếp thọ. Tổ nói kia có ngôn cú gì thử nói ta nghe ta sẽ chứng minh cho ông. Sư nói: Trước đến đó ba tháng chưa được khai thị, vì pháp rất tha thiết nên nửa đêm một mình vào phương trượng lễ bái sư khẩn cầu. Sư Đại Thông bèn bảo: Ông thấy hư không chẳng? Thưa: Thấy. Đại thông hỏi: Ông thấy hư không có tướng mạo gì chẳng? Con đáp: Hư không vô hình, đâu có tướng mạo gì. Đại thông nói: Bốn tánh của ông cũng như hư không phản quán tự tánh rốt ráo không có một vật gì để thấy, đó gọi là chánh kiến, không một vật để biết, đó gọi là Chân Tri. Không có xanh vàng dài ngắn, chỉ thấy Bản nguyên thanh tịnh, giác thể tròn sáng, gọi là thấy tánh thành Phật, cũng gọi là thế giới Cực Lạc, cũng gọi là tri kiến Như lai. Đệ tử này tuy nghe lời ấy cũng chưa quyết liễu. Xin Hòa-thượng chỉ dạy khiến cho không còn nghi ngờ dính mắc. Tổ nói: Thầy ấy nói cũng còn thấy biết khiến ông chưa liễu. Nay ta chỉ ông một kệ:

*Chẳng thấy một pháp còn không thấy,
Giống như mây nổi che mặt trời
Chẳng biết một pháp giữ không biết
Lại như hư không có ánh chớp
Tri kiến này nháy mắt liền khởi,
Nhận làm đâu hiểu được phương tiện
Ông phải một niệm tự biết lỗi
Tự mình linh quang thường thấy rõ.*

Sư nghe kệ rồi tâm ý rộng sáng, bèn nói một kệ rằng:

*Không đâu khởi trí giải
Chấp tướng cầu Bồ đề
Tĩnh ngộ còn một niệm
Đâu vượt lúc mê xưa
Tự tánh nguồn giác thể
Tùy chiếu uổng trôi lã
Chẳng vào thất Tổ sư*

Mật mù ở hai đầu.

10. Thiên sư Chí Đạo ở Quảng Châu.

Người ở Nam Hải. Lúc đầu tham vấn Lục Tổ rằng: Đệ tử từ khi xuất gia xem kinh Niết-bàn hơn mười năm nhưng chưa biết đại ý, xin Hòa-thượng dạy bảo. Tổ hỏi: Ông chưa hiểu chỗ nào? Đáp: “Các hạnh vô thường là pháp sinh diệt, sinh diệt diệt rồi, vắng lặng là vui”, đệ tử thắc mắc ý nghĩa này. Tổ nói: Ông nghi gì? Vì sao nghi? Thưa rằng: Tất cả chúng sinh đều có hai thân là sắc thân và pháp thân. Sắc thân thì vô thường có sinh có diệt. Pháp thân thì thường vô tri vô giác. Kinh nói: Sinh diệt diệt rồi vắng lặng là vui, không biết là thân nào vắng lặng, thân nào được vui. Nếu sắc thân, thì khi sắc thân diệt, bốn đại phân tán, toàn là khổ. Khổ thì không thể nói vui. Nếu pháp thân vắng lặng thì tức đồng với cỏ cây ngói đá, ai được vui. Lại pháp tánh là thể sinh diệt, năm uẩn là dụng của sinh diệt. Một thể năm dụng sinh diệt là thường. Sinh thì từ thể khởi dụng diệt thì nhiếp dụng về thể. Nếu lại sinh thì tức là loại hữu tình không đoạn không diệt. Nếu chẳng còn sinh thì tức là về mãi với vắng lặng, đồng với vật vô tình. Như thế thì tất cả các pháp bị Niết-bàn cấm chế, hàng phục, còn chẳng được sinh sao có vui? Tổ nói: Ông là Thích Tử (con Phật) sao quen thói đoạn thường tà kiến của ngoại đạo mà bàn luận pháp tối thượng thừa theo chỗ ông hiểu, thì ngoài sắc thân riêng có pháp thân là sinh diệt cầu về vắng lặng. Lại suy Niết-bàn Thường lạc nói là có thân nhận lấy. Đó chính là chấp sinh tử tham đắm vui đời. Nay Ông phải biết, Phật vì tất cả người mê nhận năm uẩn hòa hợp làm tướng tự thể, phân biệt tất cả các pháp là tướng ngoại trần, ham sinh ghét chết, niệm niệm đổi đời, chẳng biết mộng huyễn hư giả luống chịu luân hồi. Lấy thường lạc của Niết-bàn trở lại làm tướng khổ, suốt ngày tìm cầu. Phật thương người này nên chỉ bày chân lạc Niết-bàn, sát na không có tướng sinh, sát-na không có tướng diệt, lại không sinh diệt để diệt. Cho nên vắng lặng thấy trước, ngay lúc thấy trước cũng không nghĩ là thấy trước mới gọi là thường lạc, cái vui này không có người nhận cũng không có người chẳng nhận, há lại có tên gọi một thể năm dụng, huống lại nói Niết-bàn cấm phục các pháp khiến chẳng bao giờ sinh ra? Đây chính là chê Phật hủy pháp. Hãy nghe kệ của ta:

*Đại Niết-bàn Vô thượng
Tròn sáng thường tịch chiếu
Phàm phu gọi là chết
Ngoại đạo chấp là đoạn
Những người cầu Nhị thừa*

Cho là vô vi tác
 Đều thuộc tâm chấp trước
 Sáu mươi hai kiến gốc
 Đối lập tên lưỡng đối
 Sau làm nghĩa chân thật
 Chỉ có người quá lượng
 Thông đạt chẳng lấy bỏ
 Vì biết pháp năm uẩn
 Cho đến Ngã trong uẩn
 Ngoài hiện các hình sắc
 Mỗi mỗi tướng âm thanh
 Bình đẳng như huyễn mộng
 Chẳng khởi thấy phàm Thánh
 Chẳng nên chấp Niết-bàn
 Hai bên ba mé dứt
 Thường nên dùng các căn
 Mà chẳng khởi tướng dùng
 Phân biệt tất cả pháp
 Chẳng khởi tướng phân biệt
 Kiếp lửa đốt đáy biển
 Gió trống núi đập nhau
 Chân thường vắng lặng vui
 Tướng Niết-bàn như thế
 Nay ta gượng nói năng
 Khiến ông bỏ tà kiến
 Ông chớ theo lời hiểu
 Cho ông biết chút ít.

Sư nghe kệ xong vui mừng đánh lễ mà lui.

11. Hòa-thượng Ấn Tông chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu.

Người ở quận Ngô, họ Ấn. Theo thầy xuất gia tinh chuyên Niết-bàn Đại Bộ (kinh Đại Niết-bàn). Niên hiệu Hàm Hạng năm thứ nhất đời Đường, Sư đến kinh đô, vua ban sắc mời ở chùa Đại kính Ái, Sư cố từ chối mà đến Kỳ Xuân gặp Đại sư Hoàng Nhãn. Sau ở chùa Pháp tánh tại Quảng Châu mà giảng kinh Niết-bàn. Khi gặp Lục Tổ là Đại sư Tuệ Năng mới ngộ Huyền chỉ bèn được truyền làm Pháp sư. Sư lại thu nhặt các lời thiết yếu của các bậc thấu suốt từ đời Lương đến đời Đường biên soạn thành tâm yếu Tập truyền bá rất thịnh hành trên đời. Ngày 11 tháng 2 niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai. Sư mất ở chùa Diệu

Hỷ ở núi Cối Kê, thọ tám mươi bảy tuổi. Vương Sư Càn ở Cối Kê soạn bài minh trên tháp

12. Thiên sư, Hành Tư ở Thanh Nguyên Cát Châu.

Sư người An Thành, ở bốn châu họ Lưu. Tuổi nhỏ xuất gia. Mỗi khi mọi người luận Đạo thì Sư chỉ làm thính. Sau nghe có pháp tịch ở Tào Khê bèn đến tham lễ hỏi rằng: Phải làm thế nào để không bị rơi vào giai cấp. Tổ hỏi: Ông đã từng làm gì? Sư nói: Thánh Đế cũng chẳng làm. Tổ nói: Rơi vào giai cấp nào. Sư nói: Thánh Đế còn chẳng có làm sao có cấp bậc. Tổ biết là Thâm Khí. Trong hội người học rất đông mà Sư đứng đầu. Cũng như Nhị tổ không nói Thiếu Lâm là được tủy. Một hôm Tổ (Lục tổ) gọi Sư bảo rằng: Từ trước y pháp được thầy trao cho. Y là để nói lên lòng tin còn pháp là ấn tâm. Nay ta có được người đầu lo chẳng tin. Khi ta được y đến nay thì gặp rất nhiều tai nạn, huống chi đời sau tranh giành càng dữ. Y để trấn giữ sơn môn, ông nên phân hóa một phương đừng khiến cho chấm dứt. Sư được pháp rồi bèn đến ở chùa Tịnh cư núi Thanh Nguyên thuộc Cát Châu. Khi sắp thị tịch Lục Tổ có Sa di Hy Thiên hỏi rằng: Hòa-thượng trăm tuổi rồi không biết Hy Thiên sẽ nương tựa ai? Tổ nói: Suy nghĩ đi. Đến khi Tổ mất thì Hy Thiên thường ở chỗ vắng mà ngồi lặng lẽ như quên sống. Đệ nhất tọa hỏi rằng: Thầy ông đã mất ngồi không đây làm gì? Thiên nói: Con theo lời di chúc mà suy nghĩ tìm kiếm... Đệ nhất tọa nói: Ông có sư huynh là Hòa-thượng Hành Tư, nay đang ở Cát Châu, nhân duyên ông là ở đó. Tổ nói rất rõ mà ông tự mê thôi. Sư nghe xong bèn lạy từ Tháp Tổ thẳng đến chùa Tịnh cư. Sư hỏi: Ông ở đâu mà đến đây. Hy Thiên thưa: Ở Tào Khê. Sư hỏi: Đã được cái gì rồi? Thiên nói: Chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất. Sư hỏi: Thì đến Tào Khê làm gì? Thiên nói: Không đến Tào Khê sao biết chẳng mất. Thiên lại hỏi: Đại sư Tào Khê có biết Hòa-thượng chăng? Sư hỏi: Nay Ông biết ta chăng? Thưa: Biết làm sao biết được? Sư nói: Các sừng tuy nhiều nhưng một sừng lân là đủ. Thiên lại hỏi: Hòa-thượng xuống núi đến nay bao lâu? Sư nói: Ta chẳng biết. Sư hỏi ông rời Tào Khê lâu chưa. Đáp: Hy Thiên chẳng từ Tào Khê đến. Sư nói: Ta cũng biết chỗ ông đi. Thưa rằng: Hòa-thượng may là Đại nhân chẳng vội vàng- Một hôm Sư hỏi Thiên rằng: Ông từ đâu đến đây. Đáp: Ở Tào Khê. Sư đưa cây phát trần lên hỏi Tào Khê lại có cái này chăng? Đáp: Không phải chỉ Tào Khê, Tây Thiên cũng không. Sư hỏi: Ông chưa từng đến Tây Thiên chăng? Đáp: Nếu đến liền có. Sư nói: Chưa hiểu Đạo. Thưa: Hòa-thượng cũng lấy một nửa Đạo chớ toàn nhờ người Học này. Sư nói: Không từ chối Đạo ông sợ sau này không có người

gánh vác - Sư sai Hy Thiên đem thư đến Hòa-thượng Hoài Như ở Nam Nhạc, dặn rằng: Ông đưa thư rồi mau trở về. Ta có cái búa chẻ cho ông ở núi. Thiên đến chưa kịp trình thư liền hỏi: Chẳng mền các Thánh chẳng trọng tánh linh của mình lúc đó ra sao? Hoài Như nói: Ông hỏi cao quá sao không hỏi thấp xuống? Thiên nói: Thà chịu suốt kiếp đắm chìm chớ không mộ các Thánh giải thoát. Như liền thôi. Thiên về đến chùa. Sư hỏi: Ông đi chùa lâu đã đưa thư chưa? Thiên nói: Tin cũng chẳng thông mà thư cũng chẳng đưa. Sư hỏi: Làm sao sinh, sinh ra cái gì? Hy thiên kể lại lời nói trước, lại thưa khi ra đi Hòa-thượng hứa cho cái búa chẻ, liền xin lấy. Sư đưa một chân. Thiên liền đánh lễ, rồi từ giã mà đến Nam Nhạc - Thần Hội ở Hà Trạch đến tham vấn. Sư hỏi: Từ đâu đến? Hội thưa: Từ Tào Khê. Sư hỏi ý chỉ Tào Khê ra sao. Hội đứng nghiêm lại. Sư nói: Còn vương ngôi gạch liền hỏi Hòa-thượng nay không có vàng ròng cho người ư. Sư nói: Nếu có cho, ông để ở đâu? Có vị tăng hỏi: Thế nào là Đại ý Phật pháp? Sư nói: Gạo Lô lã giá bao nhiêu? Sư đã trao pháp ở Thạch Đầu. Năm Canh Thìn niên hiệu Khai Nguyên năm thứ hai mươi tám đời Đường, ngày 13 tháng 12, Sư lên tòa cáo từ chúng rồi ngồi kiết già mà hóa. Vua Đường Hy Tông ban thụy là Hoàng Tế Thiên sư, thụy hiệu là Qui Chân.

13. Thiên sư, Hoài Như ở Nam Nhạc.

Sư họ Đỗ, người Kim Châu. Năm mười lăm tuổi đến chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, nương Luật sư Hoàng Cảnh mà xuất gia. Sau khi thọ giới Cụ túc học tập Tạng Tỳ-ni. Một hôm tự than rằng: Người xuất gia phải pháp vô vi. Lúc đó, bạn đồng học là Thản Nhiên biết chí Sư cao xa, khuyên Sư đến gặp Hòa-thượng An ở Tung Sơn. An mở mang cho, bèn đến thẳng Tào Khê tham vấn Lục Tổ. Tổ hỏi: Từ đâu đến. Thưa từ Tung Sơn đến. Tổ hỏi Đến để làm gì? Thưa rằng: Giống như một vật thì không đúng. Tổ hỏi: Lại có thể tu chứng chăng? Thưa: Tu chứng thì chẳng không, nhiễm ô thì chẳng được. Tổ nói: Chỉ chẳng nhiễm ô này là chỗ chư Phật hộ niệm. Ông đã như thế ta cũng như thế. Bát-nhã Đa-la ở Tây Thiên có lời sấm. Dưới chân ông có một con ngựa khỏe đạp chết người thiên hạ và ở tâm ông chẳng cần, nói mau! Sư rống rang khế hội, bèn ở làm thị giả suốt mười hai năm. Niên hiệu Thiên Thiên năm thứ hai đời Đường mới đến Hoàn Nhạc ở Chùa Bát Nhã. Trong niên hiệu Khai Nguyên có Sa môn Đạo Nhất (là Đại sư Mã Tổ), ở viện truyền pháp thường ngày ngồi thiền. Sư biết là pháp khí, đến hỏi rằng: Đại đức ngồi thiền để làm gì? Đạo Nhất đáp: Muốn thành Phật. Sư bèn lấy một cục gạch đến hòn đá trước am mà mài. Đạo Nhất hỏi: Sư mãi làm gì?

Sư nói mài để làm gương. Đạo Nhất nói mài gạch làm gương sao được? Sư nói ngồi thiền thành Phật sao được. Đạo Nhất hỏi làm sao mới đúng? Sư nói: Như người ngồi xe, xe không đi, vậy đánh xe là đúng, hay đánh trâu là đúng? Đạo Nhất không đáp được. Sư nói: Ông học ngồi thiền hay học ngồi thành Phật. Nếu học ngồi thiền thì thiền không phải ngồi nằm, nếu học ngồi thành Phật thì Phật chẳng phải tướng định. Đối với pháp vô trụ không nên lấy bỏ nếu ông ngồi thành Phật tức là giết Phật, nếu chấp tướng ngồi thì không hiểu lý ấy. Đạo Nhất nghe chỉ bày như được uống đề hồ, lễ bái sư hỏi rằng: Dụng tâm thế nào thì hợp với Tam-muội Vô tướng? Sư nói: Ông học pháp môn tâm địa như gieo hạt giống. Ta nói pháp yếu ví như ao trời kia, ông duyên hợp nên sẽ thấy được đạo ấy. Lại hỏi: Đạo chẳng phải sắc tướng làm sao nói thấy được. Sư nói tâm địa pháp nhãn có thể thấy được Đạo. Tam-muội Vô tướng cũng giống như thế Đạo Nhất nói: Có thành hoại chăng? Sư nói: Nếu dùng thành hoại tụ tán mà thấy Đạo thì không phải thấy Đạo, hãy nghe kệ ta:

*Đất tâm ngâm hạt giống
Gặp mưa đều nảy mầm
Hoa Tam-muội vô tướng
Nào hoại, đâu có thành.*

Đạo Nhất tâm ý được khai ngộ rộng sáng, bèn hầu thầy mười năm, ngày càng thêm sâu xa. Đệ tử nhập thất gồm có sáu vị Sư đều ấn khả cho rằng: Các ông là sáu người cùng chứng đạo ta mỗi vị khế một đường. Một người được mảy ta, giỏi oai nghi Thường Hạo, một người được mắt ta, giỏi trông nhìn (Trí Đạt). Một người được tai ta, giỏi nghe lý (Thần Nhiên), một người được được mũi ta, khéo biết mùi (Thần Chiếu), một người được lưỡi ta, nói năng khéo léo (Nghiêm Tuấn), một người được tâm ta, giỏi điều xưa nay (Đạo Nhất).

Lại nói tất cả pháp đều từ tâm sinh, tâm không có sở sinh, pháp không có năng trụ, nếu hiểu tâm địa mà được vô ngại. Không gặp hạng Thượng căn thì cần thận chớ nói - Có một Đại đức hỏi như lấy gương đức tượng (gương xưa bằng đồng) tượng thành thì gương sáng ở đâu? Sư hỏi: Như Đại đức tượng mạo lúc còn bé ở đâu? Hỏi rằng: Như tượng thành rồi vì sao không soi chiếu? Sư nói: Dầu là không soi sáng chứ chớ nói dối là một điểm không có. Sau Đại sư Mã Tổ hoằng hóa ở Giang Tây. Sư hỏi chúng rằng: Đạo nhất có nói pháp cho chúng hay chăng? Chúng thưa: Đã nói pháp cho chúng. Sư hỏi: Sao chưa thấy người đem tin đến). Chúng không đáp, nhân sai một tăng đi hỏi thì đáp đợi khi ông ấy lên tòa. Chỉ hỏi cái gì sinh làm sao sinh?. Đạo ấy dùng ngôn ngữ gì

để ghi nhận tương lai? Tăng đi hoàn toàn theo ý sư trở về bạch rằng: Mã Tổ nói: Từ khi Hồ loạn sau ba mươi năm không hề thiếu ăn tương muối Sư cho là đúng. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ ba ngày 11 tháng 8 Sư viên tịch ở Hoành Nhạc. Vua ban thụy là Đại Tuệ Thiền sư, thụy hiệu là Tối Thắng Luân.

14. Thiền sư Vĩnh Gia, Huyền Giác ở Ôn Châu.

Người ở Vĩnh Gia, họ Đới. Tuổi nhỏ xuất gia xem khắp ba tạng, hiểu rành Thiên Thai chỉ quán là pháp môn viên diệu. Trong bốn oai nghi luôn ngậm thiên quán. Sau nhờ Thiền sư Lăng ở Tả Khê khích lệ, đã cùng Thiền sư Sách ở Đông Dương đồng đến Tào Khê. Lúc đầu đến chông tích trượng mang bình đi nhiễu quanh tổ ba vòng. Tổ nói phàm Sa môn phải đủ ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh đại đức từ nơi nào đến mà quá ngã mạn như thế? Sư nói sinh tử là việc lớn vô thường nhanh chóng. Tổ hỏi sao không thể nhận lấy vô sinh liễu rõ không chóng. Thưa rằng: Thế tức vô sinh, liễu vốn không chóng. Tổ nói đúng thế đúng thế. Lúc đó, đại chúng đều ngạc nhiên. Sư mới đủ oai nghi mà tham lễ phút chốc cáo từ. Tổ nói: Trở về chóng thế. Sư nói: Vốn tự không động há có chóng? Tổ nói ai biết chẳng động? Sư nói: Nhân quả tự sinh phân biệt. Tổ nói ông rất được ý Vô sinh. Thưa rằng: Vô sinh há có ý ư? Tổ nói: Vô ý thì ai phân biệt. Đáp: Phân biệt cũng chẳng phải ý. Tổ khen: Lành thay! Lành thay. Bèn ở lại một đêm, do đó đời gọi là Nhất tức giác. Sách công bèn giữ Sư lại sáng hôm sau xuống núi trở về Ôn Giang. Người Học đến rất đông gọi là Chân Giác Đại sư. Sư có soạn một bài chứng Đạo ca và Thiền Tông Ngộ Tu Viên Chỉ từ cạn đến sâu. Thứ sư Khánh Châu là Ngụy Tinh, góp nhặt biên soạn lời tựa làm thành mười bài, đặt tên là Vĩnh Gia Tập truyền bá trên đời rất thịnh hành, đại ý như sau:

- Thứ một: Mộ đạo chí nghi: Muốn tu Đạo trước phải lập chí và phép tắc thờ thầy, sáng tỏ quy củ phép tắc. Nên thứ nhất là nói về nghi thức Mộ đạo.

- Thứ hai: Giới ý kiêu xa. Trước tuy lập chí tu Đạo phải giỏi biết nghi quỹ, nếu ba nghiệp kiêu xa vọng tâm quấy động thì sao định được cho nên thứ hai là nói về giới cấm ý kiêu xa.

- Thứ ba: Tịnh tu ba nghiệp. Trước cấm ý kiêu xa lược nêu cương yếu. Nay xét trách kỹ lưỡng khiến lỗi không sinh, nên thứ ba nói về Tịnh tu ba nghiệp là ngăn ngừa thân miệng ý.

- Thứ bốn: Xa-ma-tha tụng. Đã kiểm trách thân miệng khiến lỗi thô chẳng sinh, kế phải vào môn tu Đạo lần lượt chẳng ngoài Định tuệ.

Năm thứ khởi tâm, sáu thứ phân biệt nên thứ tư nói Xa-ma-tha tụng.

- Thứ năm: Tỳ-bà-xá-na tụng. Không giới thì không thiền, không thiền thì không tuệ, trên đã tu định, định lâu thì tuệ sáng nên thứ năm nói Tỳ-Bà-Xá Na tụng.

- Thứ sáu: Ưu-tất-xoa tụng. Riêng tu định, định lâu thì hôn trầm. Riêng học tuệ, tuệ nhiều thì tâm động nên thứ sáu là Ưu-tất-xoa tụng, bằng nhau cả định tuệ không để trầm động. Khiến định tuệ bình đẳng bỏ cả hai bên.

- Thứ bảy: Ba thừa tiệm thứ. Định tuệ đã bằng nhau thì tịch mà thường chiếu, ba quán một tâm sao nghi chẳng sót, sao chiếu chẳng tròn. Tự hiểu tuy sáng mà thương người khác chưa ngộ. Ngộ có cạn sâu, nên thứ bảy là nói ba thừa tiệm thứ

- Thứ tám: Sự lý chẳng hai. Ba thừa ngộ lý, không lý nào chẳng cùng tận cùng tận lý do Sự, liễu sự tức Lý. Nên thứ tám là nói Sự lý chẳng hai. Tức Sự mà chân, dùng để trừ bỏ kiến chấp trái ngược.

- Thứ chín: Thư khuyên bạn: Sự Lý đã dung nhau, nội tâm tự sáng. Lại xa thương người học luống uổng ngày giờ, nên thứ chín là viết thư khuyên bạn.

- Thứ mười: Văn Phát nguyện: Khuyên bạn tuy là chuyên tâm thương người khác, nhưng ở một tình cũng chưa khắp nên thứ mười là văn Phát nguyện, thể độ tất cả.

Lại còn mười môn Quán tâm, trước thì nói đến pháp nhĩ, kế nêu quán thể, ba là nói tương ứng, bốn là cảnh cáo kẻ khinh thường người trên, năm là khuyên nhắc người lười biếng, sáu lại nêu quán thể, bảy là nói phải quấy, tám phân chọn thuyên chỉ, chín là gặp việc thành quán, mười là khéo Khế hợp với nguồn Huyền).

1. Nói về pháp nhĩ, tâm tánh có nguồn, hư thông động tịnh đều chẳng hai, chân như dứt hết nghĩ suy tính toán, chẳng hề khác nhau. Các hoặc thấy có lăng xăng biết đến cùng) thì chỉ một vắng lặng, nguồn linh chẳng hình dáng, soi xét thì ngàn thứ khác nhau không. Tên Pháp Nhãn tự lập, một vắng lặng chẳng khác. Đây còn gọi là Tuệ nhãn, lý lượng đều tiêu, công đức của Phật Nhãn viên mãn ấy là ba Đế một cảnh, Lý pháp thân thường thanh tịnh, ba trí một tâm Bát Nhã sáng luôn chiếu. Cảnh và trí ngầm hợp ứng giải thoát tùy cơ, chẳng dọc chẳng ngang, viên với Đạo huyền hội. Cho nên biết ba đức diệu tánh rõ ràng như thế không trái một tâm. Rộng sâu khó nghĩ bàn sao xuất yếu mà chẳng lộ. Đó là dùng tức tâm làm đạo, có thể gọi là tìm sông mà được nguồn.

2. Nêu quán thể - Chỉ biết một niệm tức không mà chẳng không,

chẳng phải không mà chẳng phải chẳng không.

3. Nói về tương ứng - Tâm cũng không tương ứng thì chê khen đâu có buồn đâu có vui. Thân tương ứng với không thì cạo cắt xúc hương thơm có gì khổ có gì vui. Y báo tương ứng với không thì ban cho hay cướp lấy đâu có được đâu có mất. Tâm tương ứng với không chẳng không thì di kiến đều mất từ bi cứu khắp. Thân tương ứng với không chẳng không, thì trong giống như cây khổ mà ngoài hiện rõ oai nghi. Y báo tương ứng với không và chẳng không thì vắng bật tham cầu của cải chu cấp. Tâm tương ứng với không và chẳng không chẳng phải không chẳng phải chẳng không thì thật tướng mới sáng mở bày tri kiến Phật. Thân tương ứng và không chẳng không, chẳng phải không chẳng phải chẳng không thì một trần vào chánh thọ, các trần Tam-muội khởi - Y Báo cùng không chẳng không tương ứng chẳng phải chẳng phải chẳng không thì hóa sinh lên hương gác báu cõi trang nghiêm.

4. Cảnh cáo kẻ thượng mạn: Nếu chẳng như thế thì chưa tương ứng.

5. Rắn kẻ biếng lười - Nhưng vượt biển thì phải lên thuyền, chẳng có thuyền làm sao vượt được. Tu tâm thì phải vào quán chẳng có quán làm sao sáng tâm. Tâm còn chưa sáng thì lúc nào mới tương ứng, hãy suy nghĩ chớ cậy mình.

6. Lại nêu quán thể - Chỉ biết một niệm tức không chẳng không, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng biết tức niệm tức không chẳng không, chẳng phải chẳng có chẳng phải chẳng không.

7. Nói về đúng sai - Tâm chẳng phải có, tâm chẳng phải không, tâm đều là có, tâm đều không, là có là không thì rơi vào đúng, chẳng phải có chẳng phải không thì rơi vào sai. Như thế chỉ là phi của thị phi, mà chưa của phi là phi mà là thị của phi nay lấy hai phi, chứ phá hai thị. Thị phá phi thì thị cũng là phi. Lại lấy hai phi mà phá lưỡng phi. Phi mà phá phi thì phi tức là thị. Như thế chỉ là phi là phi mà thị của phi, không phải là chẳng phi chẳng chẳng phi, chẳng thị chẳng chẳng thị. Hoặc của thị phi nhỏ nhất khó thấy, tinh thần phải nghĩ suy kỹ lưỡng mà nghiên cứu.

8. Phân biệt thuyên chỉ: Nhưng chí lý không lời giả mượn lời nói để nói rõ ý chỉ. Chỉ tông không phải quán, nhờ tu quán mà hiểu rõ Tông. Nếu ý chỉ chưa sáng thì lời chưa trúng đích. Nếu tông chưa rõ thì quán chưa sâu. Quán sâu sẽ hiểu rõ tông ấy. Lời nói đích xác sẽ sáng tỏ ý chỉ, chỉ của Tông đã sáng tỏ, thì chỉ của quán sao chẳng còn hoài.

9. Gặp việc thành quán. Giảng nói ngôn từ lại nêu quán thể. Muốn

sáng tỏ tông chỉ không gì khác là nói quán. Có đũa mới dờ, có dờ thì nói lý chẳng sai, chẳng sai thì quán chỉ chẳng khác. Chẳng khác thì chỉ tức là lý. Lý chẳng sai tức là Tông. Chỉ một mà hai tên. Nói quán thì sáng tỏ chỗ đất dẫn.

10. Khéo khéo hợp nguồn huyền) người ngộ tâm thà chấp quán mà mê chỉ cho người thấu giáo đầu lại y cứ theo lời mà lầm lý. Lý sáng thì dứt đường nói năng sao nói là có thể bàn luận. Chỉ rõ thì mất chỗ tâm hành. Sao quán lại hay suy tư. Tâm và lời chẳng thể nghĩ và bàn thì có thể gọi là khéo Khế hợp Hoàn trung?

Vào niên hiệu Thiên Thiên 2 ngày mười bảy tháng 10 sử ngôi yên mà thị tịch. Ngày 13 tháng 11 thì nhập tháp ở phía Nam của Tây Sơn. Vua ban thụy là Vô Tướng Đại sư, tháp hiệu Tịnh Quang. Niên hiệu Thuần Hóa vua Tống Thái Tông ban chiếu cho Sư trụ ở Bốn Châu sửa sang lại khám tháp.

15. Thiên sư Bốn Tịnh ở núi Từ Không.

Người ở Giáng Châu, họ Trương. Tuổi nhỏ đã mặc áo Đạo (xuất gia) được thọ ký ở thất Tào Khê, thuộc chùa Vô Tướng, núi Từ Không. Niên hiệu Thiên Bảo thứ ba, Vua Đường Huyền Tông sai Trung sử Dương Quang Đình vào núi hái dây Thường xuân, nhân đến Trương thất đánh lễ hỏi rằng: Đệ tử kính mến Ngài đã lâu, nguyện Hòa-thượng từ bi lược bày chỉ dạy. Sư nói phẩm Thiên tông trong thiên hạ, người học cao đều hội ở Kinh đô. Thiên Sư nên về triều mà học hỏi bản đạo ở núi gần nước không chỗ dụng tâm. Quang Đình than khóc lạ cầu. Sư nói: Đừng lễ bản đạo Thiên Sư vì cầu Phật hay hỏi Đạo? Thưa rằng: Đệ tử trí thức tối tăm, chẳng hay Phật và Đạo bàn luận ra sao? Sư nói: Nếu muốn cầu Phật thì tức tâm là Phật, nếu muốn hiểu Đạo thì vô tâm là Đạo. Thưa: Thế nào là tức tâm là Phật? Sư nói: Phật nhờ vào tâm mà ngộ tâm do Phật mà sáng tỏ, nếu ngộ vô tâm thì Phật cũng chẳng có. Thưa rằng: Thế nào là vô tâm là Đạo? Sư nói: Đạo vốn vô tâm, nên vô tâm gọi là Đạo. Nếu rõ vô tâm thì vô tâm tức là Đạo. Quang Đình đánh lễ tin nhận. Khi trở về triều thì Đình kể lại mọi việc cho vua nghe. Vua liền sai Quang Đình mời Sư ngày 13 tháng 12 về kinh ở (chùa) Bạch Liên. Năm sau ngày rằm tháng giêng vua mời hai hàng danh Tăng thạc học vào Nội đạo tràng luận bàn Phật lý với Sư. Lúc đó, Thiên sư Viên lớn tiếng bảo Sư rằng: Nay đối trước Thánh thượng mà so lường tông chỉ, thì nên hỏi thẳng đáp thẳng chớ nên nhiều lời. Như chỗ Thiên sư thấy thì cái gì là Đạo? Sư đáp vô tâm là Đạo. Viên nói: Đạo do tâm mà có, đâu được nói vô tâm là Đạo? Sư nói: Đạo vốn không có tên gọi nhân tâm gọi là Đạo.

Tên Tâm nếu có thì Đạo chẳng dối - đã không hiểu tâm thì Đạo dựa vào đầu mà lập, cả hai đều luống dối thì cùng là giả danh. Viễn hỏi: Thiền sư thấy có thân tâm là Đạo chẳng? Sư đáp: Thân tâm của Sơn tăng xưa nay vốn là Đạo. Hỏi: Vừa nói vô tâm là Đạo, nay lại nói thân tâm xưa nay là Đạo, há chẳng trái nhau? Sư nói: Vô tâm là Đạo, tâm mất Đạo không. Tâm Đạo như một nên nói vô tâm là Đạo. Thân tâm xưa nay là Đạo, Đạo cũng vốn là thân tâm, thân tâm vốn đã là không thì Đạo và nguồn cũng không có. Hỏi: Xem Thiền sư hình chất rất nhỏ bé sao lại hội lý này. Sư nói: Đại đức chỉ thấy tướng của Sơn tăng mà chẳng thấy vô tướng của Sơn tăng. Thấy tướng là chỗ thấy của Đại đức. Kinh nói: Tất cả các tướng đều là luống dối. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng thì tức là ngộ Đạo ấy. Nếu cho tướng là thật thì cùng kiếp cũng chẳng thể ngộ Đạo - Hỏi: Nay thỉnh Thiền sư đối với tướng mà nói vô tướng. Sư nói: Kinh Tịnh danh nói: Bốn đại vô chủ, thân cũng Vô ngã. Vô ngã mà thấy thì tương ứng với Đạo. Nếu Đại đức cho bốn đại có chủ là ngã, nếu có ngã mà thấy thì cùng kiếp cũng chẳng thể (hiểu) Đạo. Viễn sư nghe lời ấy thì thất sắc mà rời tòa Sư bèn có kệ rằng:

*Bốn Đại vô chủ lại như nước, Gặp
cong thẳng mà không kia đây Hai
chỗ Tịnh uest chẳng sinh tâm Ứng
quyết đâu hiểu có hai ý
Gặp cảnh chỉ giống nước vô tâm
Ở đời ngang dọc có việc gì.*

Lại nói: Một đại như thế, bốn đại cũng thế. Nếu nói bốn đại vô chủ liền ngộ vô tâm, nếu hiểu vô tâm thì tự nhiên khế hợp với Đạo.

- Lại có Thiền sư Chí Minh hỏi rằng: Nếu hiểu rõ vô tâm là Đạo, vậy gạch đá vô tâm cũng là Đạo. Lại nói thân tâm xưa nay là Đạo, thì bốn loài mười loại đều có thân tâm, cũng phải là Đạo ư? Sư nói: Nếu Đại đức lấy thấy nghe hay biết mà hiểu thì cách xa Đạo, tức là người cầu thấy nghe hay biết, không phải là người cầu Đạo. Kinh nói: Không có mắt tai mũi lưỡi thân ý, 6 căn còn không thì thấy nghe hay biết dựa vào đâu mà lập. Cùng tận gốc rễ chẳng có chỗ nào có tâm sao có thể chẳng giống với cỏ cây gạch đá. Chí Minh đuối lý mà lui. Sư lại có kệ rằng:

*Thấy nghe hay biết không chướng ngại
Thanh hương vị xúc thường Tam-muội
Như chim chỉ bầy trong hư không,
Chẳng lấy chẳng bỏ chẳng yêu ghét*

*Nếu hiểu chỗ ứng vốn vô tâm,
Mới được gọi là Quán Tự Tại.*

- Lại có Thiền sư Chân hỏi rằng: Đạo đã vô tâm, Phật có tâm chẳng, Phật và Đạo là một hay hai? Sư nói: Chẳng phải một cũng chẳng phải khác. Hỏi: Phật độ chúng sinh là có tâm, Đạo không độ người là vô tâm, một độ một không độ sao được là chẳng hai? Sư nói: Nếu nói Phật độ chúng sinh còn Đạo không độ đây là Đại đức vọng sinh hai kiến (thấy có hai cái khác nhau). Như sơn Tăng thì không phải thế. Phật là hư danh, Đạo cũng vọng lập, cả hai đều chẳng thật, mà đều là giả danh. Trong một giả sao lại chia hai. - Hỏi: Phật và Đạo đều từ giả danh, đương khi đặt tên thì ai lập. Nếu có người lập đâu được nói không. Sư nói Phật và Đạo do tâm mà lập, suy cho cùng lập tâm thì tâm cũng không. Tâm đã là không thì liền ngộ cả hai đều chẳng thật. Biết là như huyền tức ngộ vốn không mà cưỡng lập ra Phật và Đạo có hai tên. Đây là kiến giải chỗ thấy của người Nhị thừa. Sư bèn nói vô tu vô tu, kệ rằng:

*Thấy Đạo mới tu Đạo
Chẳng thấy thì tu gì
Tánh Đạo như hư không
Hư không làm sao tu
Người quán khắp tu Đạo
Tắt lửa mà tìm bọt
Chỉ là chơi tượng gỗ
Đứt dây hết cử động.*

- Lại có Thiền sư pháp không hỏi rằng: Phật cùng Đạo đều là giả danh, thì mười hai phần giáo cũng phải không thật, vì sao từ trước các bậc tôn túc đều nói tu đạo? - Sư nói: Đại đức hiểu lầm ý kinh. Đạo vốn không tu, Đại đức ép là tu, Đạo vốn không làm, Đại đức ép làm, Đạo vốn không việc, ép sinh nhiều việc, Đạo vốn không biết thì ép là biết. Sự thấy biết này trái với đạo. Các tôn túc từ trước chẳng phải như thế, là tự Đại đức chẳng hiểu, xin hãy nghĩ lại. Sư lại có kệ rằng:

*Đạo thể vốn không tu,
Chẳng tu tự hợp Đạo
Nếu khởi tâm tu Đạo,
Người này chẳng hiểu Đạo
Bỏ đi một chân tánh,
Mà vào chợ ồn ào
Bỗng gặp người tu đạo*

Chẳng hướng Đạo bậc nhất.

- Lại có Thiền sư An hỏi rằng: Đạ đã nói giả danh, Phật bảo là dối lập, mười hai phần giáo cũng là tiếp vật độ sinh, tất cả là dối thì cái gì là chân? Sư nói: Vì có vọng nên dùng chân mà đối vọng, suy cho cùng thì tánh vọng vốn không, chân có. Cho nên biết chân vọng đều là giả danh, hai việc đối trị không thật thể, xét cùng cội gốc thì tất cả đều không. - Hỏi: Đã nói tất cả là dối thì dối cũng đồng với chân, chân vọng chẳng khác thì là vật gì? Sư nói: Nếu nói vật gì thì vật gì cũng vọng. Kinh nói: Không tương tự, không so sánh dứt đường nói năng như chim bay trong hư không - Thiền sư An thẹn phục chỗ không biết của mình. Sư lại có kệ:

*Tìm chân chân vô tướng
Tìm vọng vọng vô hình
Quán lại xét cùng tâm
Biết tâm cũng giả danh
Hiểu Đạo cũng như thế
Rốt cuộc cũng chỉ thế.*

- Lại có Thiền sư Đạt Tánh hỏi rằng: Thiền là rất vi rất diệu chân vọng đều mất, Phật Đạo đều quên, tu hành tánh không, danh tướng chẳng thật, thế giới như huyễn, tất cả đều là giả danh. Khi hiểu như thế thì chẳng thể đoạn dứt hai căn thiện ác của chúng sinh. Sư nói: Hai căn thiện ác đều do tâm mà có, xét nếu tâm có thì các căn cũng chẳng dối, xét tâm đã không thì căn do đâu mà lập. Kinh nói: Pháp thiện và bất thiện từ tâm hóa sinh, nghiệp duyên thiện ác vốn không có thật. Sư lại có kệ rằng:

*Thiện dã từ tâm sinh
Ác há là tâm có
Thiện ác là duyên ngoài
Ở tâm thật chẳng có
Bỏ ác đi về đâu
Lấy thiện khiến ai giữ
Thương thay kẻ thấy hai
Dính duyên hai đầu chạy
Nếu ngộ vốn vô tâm
Mới hối lỗi từ trước.*

- Lại có quan Cận thần hỏi: Thân này từ đâu đến, trăm tuổi rồi thì về đâu? - Sư nói: Như người nằm mộng thì từ đâu mà đến, thức rồi thì đi về đâu? Đáp rằng: Khi mộng thì chẳng thể nói là không, khi thức thì

chẳng thể nói có, tuy có có không mà tới lui không có chỗ. Sư nói: Thân của Bản Đạo đây cũng như mộng. - Lại nói kệ:

*Thấy đời như giấc mộng
Trong mộng thật là ôn
Bỗng thức, mọi thứ hết
Đồng lúc ngủ thức dậy
Người trí hiểu tỉnh mộng
Kẻ mê tin mộng ôn
Hiểu mộng như hai phần
Một ngộ không ngộ khác
Giàu sang cùng nghèo hèn
Lại cũng không đường khác.*

Niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai, ngày 5 tháng 5 thì Sư viên tịch. Vua ban thụy là Đại Hiếu Thiên sư.

16. Thiên sư Huyền Sách ở Vụ Châu.

Sư người Kim Hoa ở Vụ Châu - xuất gia du phương đến Hà Sóc. Có Thiên sư Trí Hoàng từng đến yết kiến Ngũ tổ Huỳnh Mai, ở đó hai mươi năm tự bảo là chánh thọ. Sư biết sở đắc của Hoàng chưa chân thật, bèn đến hỏi rằng: Ông ngồi đây làm gì? Hoàng nói: Nhập định. Sư hỏi: Ông nói nhập định vậy có tâm hay không có tâm. Nếu có tâm thì tất cả các loài biết cử động đều phải được định, nếu không tâm thì tất cả cỏ cây ngói gạch cũng phải được định. Đáp: Khi chính lúc tôi vào định thì chẳng thấy có tâm hữu vô. Sư nói: Đã chẳng thấy có tâm hữu vô thì tức là thường định, sao lại có xuất nhập, nếu có xuất nhập thì không phải đại định. Hoàng im lặng hồi lâu không đáp lại hỏi Sư là Đệ tử nối pháp của ai. Sư nói: Thầy ta là Lục tổ Tào Khê. Hỏi: Lục tổ lấy gì làm Thiền định. Sư nói: Thầy ta bảo lặng lẽ viên tịch thể dụng như như, năm ấm vốn không, sáu trần chẳng có, chẳng xuất chẳng nhập chẳng định chẳng loạn, thiền tánh vô trụ, lìa trụ Thiền tịch. Thiền tánh vô sinh, lìa sinh Thiền tưởng. Tâm như hư không cũng không có lượng của hư không. Hoàng nghe lời ấy bèn vội vàng đến Tào Khê xin quét sạch nghi mê. Mà ý Tổ thì rất ngầm hợp với Sư, Hoàng mới khai ngộ. Sau Sư về Kim Hoa mở rộng pháp tịch (tòa giảng kinh).

17. Thiên sư Linh Thao ở Tào Khê.

Người Cát Châu, họ Trương nương Lục tổ xuất gia, không hề rời thầy nửa bước. Khi Tổ viên tịch bèn lãnh việc trông coi tháp y. Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tư, vua Đường Huyền Tông mến đức Sư ban chiếu mời về cung. Sư từ bệnh không đến. Niên hiệu Thượng Nguyên

năm thứ nhất vua Đường Túc Tông sai sứ đem pháp y của Lục Tổ vào cung cúng dường. Lại sai Sứ theo y vào triều Sứ cũng lại từ bịnh. Sau Sứ mất ở Bồn Sơn thọ chín mươi lăm tuổi. Vua ban thụy là Đại Hiếu Thiên sư.

18. Quốc sư Tuệ Trung ở chùa Quang Trạch thuộc Tây Kinh.

Người ở Chư Ký thuộc Việt Châu, họ Nhiễm, từ khi thọ Tâm ấn thì ở hang Đẳng Tử núi Bạch Nhai ở Nam Dương, hơn bốn mươi năm không hề xuống núi. Đạo hạnh Sư vang đến kinh đô thôn dã. Niên hiệu Thượng nguyên năm thứ hai, vua Đường Túc Tông sai Trung sứ Tôn Triều Tấn mang chiếu mời Sư về kinh kính lễ Sư như thầy trò. Trước Sư trụ Tây Thiên viện ở chùa Thiên Phước. Khi vua Đường Đại Tông lên ngôi lại mời Sư về ở chùa Quang Trạch, có mười sáu năm tùy cơ nói pháp. Lúc đó có Đại Nhĩ Tam tạng ở Tây Thiên mới đến kinh đô nói rằng: Đạt được Tuệ nhân tha tâm. Vua ban sắc khiến cùng với Quốc sư thử nghiệm, Tam tạng vừa mới thấy Sư liền đánh lễ đứng hầu bên phải. Sư hỏi: Ông có được tha tâm thông hay chăng? Đáp rằng chẳng dám. Sư hỏi: Ông nói Đại lão tăng nay đang ở đâu? Đáp: Hòa-thượng là thầy một nước đầu được ở Tây Xuyên mà tranh độ. Sư lại hỏi: Ông nói Đại Lão Tăng nay ở đâu? Thì nói Hòa-thượng là thầy một nước đầu được ở trên cầu Thiên Tân mà coi khỉ làm xiếc. Hỏi: Lần thứ ba thì nói giống trước. Tam tạng hỏi lâu chẳng biết chỗ đi. Sư hét lớn chớ giả hồ tinh, tha tâm thông ở đâu? Tam tạng không đáp được. - Một hôm Sư gọi Thị giả, Thị giả lên tiếng dạ, như thế ba lần đều dạ. Sư bảo: Chớ nói ta phụ ông, mà ông đã phụ ta.

Ngài Nam Tuyền đến tham vấn, Sư hỏi từ đâu đến? Đáp: Từ Giang Tây đến. Sư hỏi: Có đem được Mã Sư thật sự đến chăng? Đáp: Chỉ như thế. Sư nói: Ở sau lưng ông đó Nam Tuyền bèn thôi.

Ngài Ma Cốc đến tham vấn, đi nhiều quanh giưỡng Thiên của Sư ba vòng rồi đứng rung tích trượng trước Sư. Sư hỏi: Đã như thế thì cần gì phải gặp Bản đạo. Ma Cốc lại rung tích trượng. Sư hét lớn: Đây Dã Hồ tinh, đi ra!.

Sư thường dạy chúng rằng: Người học Thiên tông phải vâng lời Phật dạy Nhất thừa liễu nghĩa tự kế hợp với nguồn tâm, với người chẳng liễu nghĩa thì chẳng nên nói với họ. Như giòi trong thân sư tử làm thầy người mà rơi vào chốn danh lợi riêng bày dị đoan thì mình và người nào có ích gì. Như người thợ giỏi trong đời thì không bị dao búa làm đứt tay, sức chở mang của loài voi thì sức lừa không chịu nổi.

- Có vị tăng hỏi: Có được thành Phật chăng? Sư nói Phật và chúng

sinh một lúc buông bỏ hết sẽ là chỗ giải thoát. Hỏi: Làm sao sinh được tương ứng? Sư nói: Thiện ác chẳng nghĩ thì tự thấy Phật tánh. Hỏi: Có được chứng pháp thân chăng? Sư nói vượt cảnh giới Tỳ-lô. - Hỏi: Thanh tịnh pháp thân làm sao được sinh? Sư nói: Chẳng đấm trước Phật mà cầu. Hỏi: Thế nào là Phật? Sư nói tức tâm là Phật. Hỏi: Tâm có phiền não không? Sư nói: Tánh phiền não tự lìa. Hỏi: Há chẳng dứt ư? Sư nói: Dứt phiền não thì gọi là Nhị thừa, phiền não chẳng sinh gọi là Đại Niết-bàn. Hỏi: Ngồi thiền khán tịnh để làm gì?. Sư nói: Chẳng cấu chẳng tịnh đâu cần khởi tâm mà xem tướng Tịnh. - Lại hỏi: Thiền sư thấy hư không mười phương là pháp thân chăng? Sư nói: Dùng tướng tâm mà lấy là kiến điên đảo. Hỏi: Tức tâm là Phật thì có thể tu muôn hạnh chăng? Sư nói: Các Thánh đều có hai nghiêm chẳng lẽ bác không có nhân quả ư? Lại nói: Nay ta đáp ông cùng kiếp cũng không hết được nói nhiều cách Đạo càng xa. Vì vậy mà nói, thuyết pháp có chỗ được thì đó là tiếng kêu của Dã can thì nói pháp không chỗ được, đó là tiếng sư tử gầm thét.

- Hành giả Trương Phần ở Nam Dương hỏi: Có lúc Hòa-thượng nói vô tình nói pháp, con chưa hiểu rõ, xin Hòa-thượng chỉ dạy. Sư nói: Nếu ông hỏi vô tình nói pháp thì phải hiểu rõ vô tình đó mới được nghe ta nói pháp, ông chỉ nghe lấy vô tình nói pháp mà thôi Bí thư: Chỉ y cứ như nay trong phương tiện hữu tình thế nào là nhân duyên vô tình? Sư nói: Như nay trong tất cả mọi động dụng chỉ hai dòng phạm Thánh đều không có chút khởi diệt, liền là xuất thức chẳng thuộc có không mà lừng lẫy thấy biết, chỉ nghe vô tình thức mà chấp chặt. Do đó Lục tổ nói: Sáu căn đối cảnh phân biệt chẳng phải thức. - Có vị Tăng đến tham lễ. Sư hỏi: Có sư nghiệp gì? Đáp: Là giảng kinh Kim cang. Sư hỏi: Hai chữ đầu Tiên là gì? Đáp: Như thị. Sư hỏi: Là thế nào? Tăng không trả lời.

- Có người hỏi: Thế nào là giải thoát? - Sư nói: Các pháp không đến nhau là giải thoát. Hỏi: Làm sao cắt đứt? Sư nói: Vừa nói với ông các pháp không đến với nhau thì còn cắt đứt cái gì? - Sư thấy có vị tăng đến bèn đưa tay vẽ một vòng tròn, trong vòng tròn viết chữ nhật (mặt trời), Tăng không đáp được. - Sư hỏi Thiền sư Bốn Tịnh rằng: Ông từ đây trở đi thấy lời lẽ kỳ lạ thì sao? Tịnh đáp: Không một niệm ưa thích. Sư nói: Ấy là việc trong nhà ông. - Vua Đường Túc Tông hỏi: Sư được pháp gì? Sư đáp: Bệ hạ có thấy trên hư không một áng mây trôi chăng? Vua nói: Thấy. Sư nói: Dính vào đỉnh đóng, dính vào treo máng. Lại hỏi: Thế nào là mười thân Điều ngự? Sư bèn đứng dậy, hỏi hiểu chăng? Vua đáp: Không hiểu. Sư nói Đưa Tịnh Bình cho Lão tăng). - Vua lại

hỏi: Thế nào là Tam-muội Vô tránh? Sư nói: Đạp trên đỉnh Tỳ Lô mà đi. Vua hỏi: Ý này ra sao? Sư nói: Chớ cho pháp thân của mình thanh tịnh. Vua lại hỏi Sư, Sư đều không nhìn. Vua nói: Trẫm là vua nước Đại Đường, vì sao Sư không đoái nhìn. Sư nói: Lại thấy hư không chẳng? Vua đáp: Thấy. Sư hỏi: Nó có xoay nhìn Bệ hạ chẳng? - Ngự Quân Dung hỏi: Sư ở núi Bạch Nhai trong mười hai giờ tu Đạo như thế nào? Sư gọi đồng tử đến, xoa đầu bảo: Tỉnh tỉnh mau lên tỉnh tỉnh, rõ ràng mau lên rõ ràng, sau chớ để người gạt. - Sư và Tử Lân Cung Phụng luận nghĩa. Đã ngồi rồi Cung Phụng nói: Thỉnh Sư lập nghĩa tôi sẽ phá. Sư nói: Đã lập nghĩa xong. Cung Phụng hỏi: Nghĩa gì? Sư nói: Quả nhiên chẳng thấy, chẳng phải là cảnh giới của ông, liền rời chỗ ngồi. - Một hôm Sư hỏi: Tử Lân Cung Phụng rằng: Phật là gì? Đáp: Là giác. Sư hỏi: Phật có từng mê chẳng? Đáp: Không hề mê. Sư nói: Dùng giác làm gì chẳng đáp - Lại hỏi: Thế nào là thật tướng? Sư nói: Đem hư không đến đây. Đáp: Hư không chẳng có. Sư nói: Đáy hư không còn chẳng thật có, hỏi thật tướng làm gì? - Có vị tăng hỏi: Thế nào là Đại ý Phật pháp? Sư nói: “Trong nhà Văn-Thù có muôn vị Bồ tát. Thưa: Người học chẳng hiểu. Sư nói: Đại bi có ngàn tay mắt - Đam Nguyên hỏi: Trăm năm sau có người hỏi việc rốt lại thì làm sao sinh? Sư nói: Mong tự đáng thương sinh, cần phải tự giữ mình bùa chú làm gì? - Sư thấy việc hóa duyên đã xong thời Niết-bàn đã đến. Bèn từ giả vua Đường Đại Tông. Vua hỏi Sư diệt độ rồi đệ tử phải nhớ điều gì? Sư bảo: Hãy tạo một ngôi tháp không vá vấu. Vua nói: Xin vẽ hình tháp. Sư hồi lâu mới nói hiểu chẳng? Vua đáp không hiểu. Sư nói: Bần Đạo mất rồi có Thị giả là ứng chân, liền biết việc này. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ mười ngày mồng 09 tháng 12 Sư nằm nghiêng bên hông phải mà thị tịch. Đệ tử đem linh thể Sư về hang Đẳng Tử mà xây tháp thờ. Vua ban thụy là Đại Chứng Thiên sư. Sau vua Đại Tông mới Ứng Chân vào triều kể lại việc trước. Hồi lâu chân nói: Thánh thượng hiểu chẳng? Vua đáp không hiểu. Chân bèn nói kệ:

Tương ở Nam, Đầm ở Bắc. Trong có vàng ròng đầy cả nước
Dưới cây không bóng hạp cùng thuyền, trên điện lưu ly không tri thức.

Sau Ứng Chân trụ ở núi Đam Nguyên.

19. Thiên sư Thần Hộ ở Hà Trạch thuộc Tây Kinh.

Người ở Tương Dương, họ Cao, mười bốn tuổi làm Sa di đến ra mắt Lục Tổ. Tổ hỏi: Tri thức từ xa đến rất khó khăn có mang Bồn đến chẳng, nếu có Bồn thì hạp với Thức chủ, thử nói xem? - Sư nói lấy vô

trụ làm Bồn , thấy tức là chủ. Tổ nói: Này Sa di điều đó chớ nên nói nữa. Rồi lấy gậy đánh. Khi bị đánh Sư thầm nghĩ rằng: Đại Thiện tri thức nhiều kiếp khó gặp nay đã gặp được đâu tiếc thân mạng. Từ đó bèn làm thị giả. Một hôm khác Tổ bảo chúng rằng: Ta có một vật không đầu không đuôi không tên họ, không phải trái các ông có biết chăng? Sư bèn lên tiếng: Đó là gốc của chư Phật, là Phật tánh của Thần Hội. Tổ nói: Ta vừa nói với ông là không có tên họ, sao ông bảo là nguồn gốc Phật tánh? Sư lễ bái mà lui ra - Sư tìm đến Tây kinh thọ giới. Trong niên hiệu Cảnh Long đời Đường trở về Tào Khê. Tổ mất rồi trong hai mươi năm, Đốn chỉ của Tào Khê bị phế bỏ ở Kinh Ngô, Tiệm Môn của Tung Nhạc, thanh hành ở Tần Lạc. Sư bèn vào kinh. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ tư mới định lại hai tông (Đốn tông của Tuệ Năng thuộc Nam Tông và Tiệm Tông của Thần Tú thuộc Bắc Tông) mà hiển bày tông ký thịnh hành ở đời. Một hôm có tin quê báo cha mẹ mất, Sư bèn vào điện gõ chày bạch rằng: Cha mẹ đều mất, thỉnh Đại chúng niệm Ma-ha Bát-Nhã. Chúng vừa nhóm hợp thì Sư gõ chày bạch rằng: Làm phiền đại chúng. Niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ nhất ngày 13 tháng 05, Sư giữa đêm an nhiên thị tịch thọ bảy mươi lăm tuổi. Năm sau xây tháp thờ ở Long Môn Lạc kinh vua ban sắc để ở Tháp là chùa Bảo Ứng. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ năm, vua lại ban hiệu là Chân Tông Bát-Nhã Truyền Pháp Đường, năm thứ bảy lại bản đề tháp là Bát Nhã Đại sư.

- Có vị Tăng nêu kệ của Thiên sư Ngọa Luân rằng:

*Ngọa Luân có tài khéo
Dứt được trăm tư tưởng
Đối cảnh tâm không khởi
Bồ đề ngày càng lớn.*

Lục Tổ nghe rồi bảo: Bài kệ này chưa sáng tâm địa, nếu thực hành theo đó thì càng gây nhân ràng buộc. Bèn nêu một bài kệ rằng:

*Tuệ Năng không tài khéo
Chẳng dứt trăm tư tưởng
Đối cảnh tâm thường khởi
Bồ đề làm sao lớn.*

Hai bài kệ này thường thấy chép ở nhiều nơi nói, nên phụ vào ở cuối quyển, Ngọa Luân không phải là tên gọi mà là chỗ ở).

